

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-4-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cao Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Công;

Bà Quang Kim Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Văn An là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2024 “V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị L - Sinh năm: 1988. Địa chỉ: xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Tạm trú: xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Lâm Chí N - Sinh năm: 1986. Địa chỉ: xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị L trình bày:

Chị L và anh N quen nhau qua mai mối tiến tới hôn nhân rồi đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cuộc sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng về sau có nhiều điểm bất đồng cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, trong đời sống hằng ngày thường phát sinh nhiều mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh N không quan tâm vợ con, thường xuyên tụ tập bạn bè café xuyên suốt và cũng đã nhiều lần trộm tiền bên gia đình chị L, không tôn trọng gia đình chị

L, chị L cũng đã nhiều lần khuyên nhưng anh N không thay đổi, vợ chồng ly thân khoảng 8 tháng nay không ai quan tâm đến ai, từ những nguyên nhân đó dẫn đến cuộc sống hôn nhân không đạt chị L nhận thấy tình cảm không còn nữa nay chị L xin được ly hôn với Lâm Chí N;

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lâm Chí K, sinh ngày 31/12/2010; Lâm Chí C, sinh ngày 27/10/2014, chị L yêu cầu nuôi 02 con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi.

Về tài sản chung Nguyễn Thị L không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung không có, nên không yêu cầu giải quyết.

* Theo biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày 11/4/2024 và tại phiên toà bị đơn Lâm Chí N trình bày:

- Về hôn nhân: Anh N và chị L quen nhau qua mai mối tiến tới hôn nhân rồi đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Thới cuộc sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng về sau có cũng có nhiều quan điểm bất đồng vợ chồng cũng có thường xuyên cự cãi anh N thừa nhận là cũng có thường đi cafe với bạn bè cũng có những lần trộm tiền bên gia đình chị L nhưng nay anh N còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lâm Chí K, sinh ngày 31/12/2010; Lâm Chí C, sinh ngày 27/10/2014 nếu Toà án chấp nhận cho ly hôn thì anh N đồng ý giao hai con cho chị L nuôi và anh N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung anh N không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung không có, nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Xét thấy, việc tranh chấp về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con giữa Nguyễn Thị L và Lâm Chí N theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh N kết hôn và tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình sống chung có nhiều mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều quan điểm bất đồng cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, trong đời sống hằng ngày vợ chồng thường hay cự cãi, không cùng tiếng nói, anh N không quan tâm vợ con, thường xuyên tụ tập bạn bè cafe xuyên suốt và cũng đã nhiều lần trộm tiền bên gia đình chị L, không tôn trọng gia đình chị L, chị L cũng đã nhiều lần khuyên nhưng anh N không thay đổi, vợ chồng ly thân khoảng tháng 09/2023 đến nay. Anh N cho rằng vợ chồng cũng

thường xảy ra mâu thuẫn cũng có hay cự cãi, đúng là anh N thường xuyên tụ tập bạn bè cafe và cũng đã nhiều lần trộm tiền bên gia đình chị L, nay anh N còn thương vợ và con nên không đồng ý ly hôn nhưng từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đến nay anh N không có hành động hay biện pháp nào để hàn gắn được tình cảm vợ chồng được nên nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Mặc dù, Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng chị L vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh N cho thấy hôn nhân mâu thuẫn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, cho nên việc chị L yêu cầu ly hôn là thỏa mãn các điều kiện theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị L và anh N thống nhất có 02 con chung tên Lâm Chí K, sinh ngày 31/12/2010; Lâm Chí C, sinh ngày 27/10/2014. Chị L yêu cầu nuôi 02 con và anh N cũng đồng ý giao 02 con cho chị L nuôi và cháu C, cháu K cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Xét sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, do đó chị L được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Lâm Chí K, sinh ngày 31/12/2010; Lâm Chí C, sinh ngày 27/10/2014 là có căn cứ, đúng theo quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị L và anh N không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị L và anh N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Lâm Chí N.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị L được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung tên Lâm Chí K, sinh ngày 31/12/2010; Lâm Chí C, sinh ngày 27/10/2014. Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Lâm Chí N cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Nguyễn Thị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001411, ngày 19/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Chị Nguyễn Thị L đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/4/2024).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Cao Diễm